TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lựu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thanh Trúc
2. Ông Nguyễn Quốc Xuân

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thiên Kim – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè – Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Lê Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 536/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 175/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị Thu C, sinh năm 1996.
Địa chỉ: 110 ấp 4, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).
Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh A, sinh năm 1995.
Địa chỉ: 24 ấp 2, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2017, bản tự khai ngày 17 tháng 01 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà Lương Thị Thu C là nguyên đơn trình bày:

Bà Lương Thị Thu C và ông Nguyễn Thanh A tự nguyện sống chung từ năm 2015, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 131, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông A thường hay kiếm chuyện đánh đập bà C, bà C cố gắng chịu đựng và khuyên ông A nhưng ông A không sửa đổi, bà C và ông A sống ly thân từ năm 2016 và bà C gửi đơn xin ly hôn ông A tại Toà án nhân dân huyện Nhà Bè. Sau khi Toà án thụ lý vụ án và triệu tập ông A đến Toà giải quyết nhưng ông An không đến Toà, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà C. Sau đó bà Cúc đã rút đơn ly hôn để cho có thêm thời gian suy nghĩ và cho ông A thểm cơ hội sửa đổi. Tuy nhiên, sau khi bà C rút

đơn thì tình trạng hôn nhân của bà và ông A vẫn không có sự cải thiện, vợ chồng vẫn sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nay bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn ông Nguyễn Thanh A để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Thanh V, sinh ngày 26/10/2016, hiện con chung đang sống với ông A; bà C yêu cầu giao con chung cho ông A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh A đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng ông A không đến Toà giải quyết, không thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Lương Thị Thu C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và tuân thủ nội quy phiên tòa. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng về thời gian, địa điểm mở phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ly hôn với ông Nguyễn Thanh A; về con chung: giao trẻ Nguyễn Thanh V, sinh ngày 26/10/2016 cho bà Lương Thị Thu C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 131 quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2015 thì bà Lương Thị Thu C và ông Nguyễn Thanh A có quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Ông Nguyễn Thanh A cư trú tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà Cúc có đơn xin ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh A đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về thời gian, địa điểm mở phiên toà nhưng ông A vẫn vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt là hoàn toàn đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên nhân bà Lương Thị Thu C xin ly hôn ông Nguyễn Thanh A là do trong cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông A luôn bất đồng quan điểm, ông A thường

xuyên kiếm chuyện đánh đập bà C; bà Cúc cố gắng chịu đựng, khuyên can ông A nhưng ông A không thay đổi, mẫu thuẫn ngày càng căng thẳng, gay gắt. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 và bà C đã gửi đơn xin ly hôn ông Nguyễn Thanh A tại Toà án nhân dân huyện Nhà Bè. Sau khi Toà án thụ lý và triệu tập ông A đến Toà giải quyết nhưng ông A không hợp tác, không đến Toà, không thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu xin ly hôn của bà C nên bà C đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi rút đơn tình trạng hôn nhân của bà C và ông A vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, vợ chồng vẫn sống ly thân.

Căn cứ theo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ tại Hội liên hiệp phụ nữ xã L, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh thì cơ quan này không tiếp nhận sự việc mâu thuẫn giữa bà Lương Thị Thu C và ông Nguyễn Thanh A.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng và quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình….*"

Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

Hội đồng xét xử nhận định: Cuộc sống vợ chồng giữa bà Lương Thị Thu C và ông Nguyễn Thanh A không hoà thuận, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài nhưng vẫn không có biện pháp trở về đoàn tụ, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Thanh A hoàn toàn không có mặt theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến hay đưa ra các yêu cầu của mình. Tòa án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho ông An tại nơi cư trú nhưng ông A vẫn không có mặt chứng tỏ ông A không có thiện chí hàn gắn, xây dựng tình cảm vợ chồng đối với bà C. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông A là có thật và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Lương Thị Thu C đối với ông Nguyễn Thanh A.

Về con chung: Hiện con chung đang sống với ông Nguyễn Thanh A, bà C yêu cầu giao con chung Nguyễn Thanh V, sinh ngày 26/10/2016 cho ông An trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Lương Thị Thu C nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh A.

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Thu C được ly hôn với ông Nguyễn Thanh A.

Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thanh V, sinh ngày 26/10/2016 cho ông Nguyễn Thanh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lương Thị Thu C xác định không có. Nếu sau này ông Nguyễn Thanh A có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Lương Thị Thu C nộp, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Cúc đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008449 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà Lương Thị Thu C được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Thanh A được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A.huyện Nhà Bè;
- UBND xã phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Lựu

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 12/6/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lựu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Trúc
2. Ông Nguyễn Quốc Xuân

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số: 536/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Lương Thị Thu C - Sinh năm: 1996.

Địa chỉ: 110 Ấp 4, xã L, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh A - Sinh năm: 1995.

Địa chỉ: 24 Ấp 2, xã L, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh A.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Thu C được ly hôn với ông Nguyễn Thanh A.

Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thanh Vương, sinh ngày 26/10/2016 cho ông Nguyễn Thanh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lương Thị Thu C xác định không có. Nếu sau này ông Nguyễn Thanh A có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Lương Thị Thu C nộp, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Cúc đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008449 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Cúc đã nộp đủ án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4/ Về quyền kháng cáo: Về quyền kháng cáo: Bà Lương Thị Thu C được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Thanh A được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi…….giờ……phút, ngày 12 tháng 6 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Xuân **Trần Thanh Trúc** **Phạm Thị Lựu**